

163/2022 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH ĐỒNG NAI – LUỒNG ĐỒNG NAI – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 267/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 24 tháng 11 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	11 ₃	10°39'36.37"N	106°48'22.51"E
		9 ₅	10°39'34.05"N	106°48'20.12"E
	Độ sâu ngập triều	2 ₄	10°39'37.75"N	106°48'25.77"E
Xoá	Độ sâu	10 ₆	10°39'36.40"N	106°48'22.52"E
		10 ₃	10°39'32.54"N	106°48'22.24"E
	Độ sâu ngập triều	2 ₈	10°39'37.61"N	106°48'25.58"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 24 tháng 11 năm 2022)

Chèn	Độ sâu ngập triều	2 ₄	10°39'37.75"N	106°48'25.77"E
Xoá	Độ sâu ngập triều	2 ₈	10°39'37.61"N	106°48'25.58"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

**163/2022 – VIET NAM – DONG NAI SEA PORT WATER – DONG NAI CHANNEL
Depth**

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.267/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4SG003 (Edition No. 2, updated on November 24th, 2022)

Insert	Depth	11 ₃	10°39'36.37"N	106°48'22.51"E
		9 ₅	10°39'34.05"N	106°48'20.12"E
	Drying height	2 ₄	10°39'37.75"N	106°48'25.77"E
Delete	Depth	10 ₆	10°39'36.40"N	106°48'22.52"E
		10 ₃	10°39'32.54"N	106°48'22.24"E
	Drying height	2 ₈	10°39'37.61"N	106°48'25.58"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on November 24th, 2022)

Insert	Drying height	2 ₄	10°39'37.75"N	106°48'25.77"E
Delete	Drying height	2 ₈	10°39'37.61"N	106°48'25.58"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
